

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3467/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Kế hoạch kiểm tra định kỳ năm 2026
của Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Pháp lệnh Quản lý thị trường ngày 08 tháng 3 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 33/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 241/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 27/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về nội dung, trình tự, thủ tục hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng Quản lý thị trường;

Căn cứ Thông tư số 20/2021/TT-BCT ngày 10 tháng 12 năm 2021 Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về nội dung, trình tự, thủ tục hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng Quản lý thị trường;

Căn cứ Thông tư số 45/2025/TT-BCT ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường;

Căn cứ Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Nai trực thuộc Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 07/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 3564/QĐ-BCT ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Bộ



trưởng Bộ Công Thương phê duyệt Định hướng chương trình kiểm tra năm 2026 của lực lượng Quản lý thị trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 5270/TTr-SCT ngày 25 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch kiểm tra định kỳ năm 2026 của Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Nai kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Công Thương, Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường tổ chức triển khai thực hiện các nội dung Kế hoạch được phê duyệt theo đúng quy định; tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường, Thủ trưởng sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Công Thương (để báo cáo);
- Cục Quản lý & PTTTN;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Chánh - Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Kim Long



KẾ HOẠCH

Kiểm tra định kỳ năm 2026 của Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Nai
(Kèm theo Quyết định số 3467/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

I. CĂN CỨ, MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Căn cứ

- Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020 và ngày 25 tháng 6 năm 2025;
- Pháp lệnh Quản lý thị trường năm 2016;
- Nghị định số 33/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 241/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ;
- Thông tư số 27/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về nội dung, trình tự, thủ tục hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng Quản lý thị trường;
- Thông tư số 20/2021/TT-BCT ngày 10 tháng 12 năm 2021 Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về nội dung, trình tự, thủ tục hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng Quản lý thị trường;
- Thông tư số 45/2025/TT-BCT ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường;
- Quyết định số 07/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai;
- Quyết định số 127/QĐ-QLTT ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Nai quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Phòng chuyên môn, nghiệp vụ và các Đội Quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số 3564/QĐ-BCT ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt Định hướng chương trình kiểm tra năm 2026 của lực lượng Quản lý thị trường;

- Căn cứ tình hình thị trường và yêu cầu công tác quản lý thị trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Căn cứ kết quả phối hợp rà soát chồng chéo, trùng lặp của các sở, ngành trên đối với Kế hoạch kiểm tra định kỳ năm 2026 của Chi cục Quản lý thị trường.

2. Mục đích

- Bảo đảm sự tuân thủ pháp luật của các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh; đấu tranh có hiệu quả với các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ để góp phần phát triển sản xuất trong nước, bình ổn thị trường, mở rộng giao thương hàng hóa, dịch vụ; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp và người tiêu dùng.

- Nhằm đánh giá tình hình thực thi các quy định của pháp luật trong hoạt động kinh doanh của tổ chức, cá nhân; tổng kết, đánh giá, hướng dẫn các Đội Quản lý thị trường (QLTT) trong công tác phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực nêu trên; biểu dương kịp thời những nhân tố tích cực, chấn chỉnh ngay các yếu kém, sai sót và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật. Thông qua công tác kiểm tra định kỳ, thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho tổ chức và cá nhân kinh doanh.

- Qua kiểm tra phát hiện những sơ hở, bất cập trong cơ chế, chính sách, pháp luật về quản lý nhà nước và phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong tình hình mới, để kiến nghị với cấp có thẩm quyền có giải pháp, biện pháp khắc phục, hoàn thiện; phát huy nhân tố tích cực, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước.

3. Yêu cầu

- Hoạt động kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Mọi hành vi vi phạm đều phải được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Đồng thời, công tác kiểm tra, xử phạt phải gắn với công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đối với nhóm đối tượng được kiểm tra.

- Việc kiểm tra không gây khó khăn, phiền hà, sách nhiễu, cản trở hoạt động các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ; đảm bảo các hoạt động kinh doanh hợp pháp của doanh nghiệp được diễn ra bình thường.

- Việc triển khai tổ chức kiểm tra có kế hoạch cụ thể, nội dung kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả; việc đánh giá, kết luận kiểm tra phản ánh thực tế khách quan, trung thực và bảo đảm công bằng.

- Nhận định, đánh giá phân tích những nội dung cần quan tâm trong chỉ đạo, điều hành quản lý nhà nước trong từng lĩnh vực; kiến nghị, đề xuất với cấp có thẩm quyền các giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và công tác QLTT trong thời gian tiếp theo.

II. ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG, THỜI GIAN KIỂM TRA

1. Đối tượng kiểm tra

- Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

- Tổ chức, cá nhân kinh doanh thuốc lá điều và các sản phẩm thuốc lá.

- Tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh khí.

- Tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh xăng dầu.

- Tổ chức, cá nhân hoạt động thương mại điện tử hoặc sử dụng ứng dụng công nghệ để kinh doanh.

- Tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh nhớt.

- Tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh hoá chất.

- Tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng, sắt thép.

(Danh sách cụ thể tên, địa chỉ của tổ chức, hộ kinh doanh dự kiến được kiểm tra và thời điểm dự kiến kiểm tra được ghi chi tiết tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này).

2. Nội dung kiểm tra

2.1. Nội dung kiểm tra đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương

- Việc chấp hành quy định về đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã (HTX)/hộ kinh doanh.

- Việc chấp hành quy định về hoạt động kinh doanh theo giấy chứng nhận đủ điều kiện.

- Việc chấp hành quy định về nguồn gốc, xuất xứ thực phẩm/nguyên liệu chế biến thực phẩm.

- Việc chấp hành quy định về yêu cầu chung của cơ sở sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực an toàn thực phẩm.

- Việc chấp hành quy định về điều kiện chung đảm bảo an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

(Điều kiện với cơ sở sản xuất, kinh doanh; Điều kiện với trang thiết bị dụng cụ trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm; Điều kiện đối với người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm; Điều kiện đối với bảo quản thực phẩm trong sản xuất thực phẩm; bảo quản, vận chuyển thực phẩm trong kinh doanh thực phẩm).

- Việc thực hiện quy định về tự công bố sản phẩm/đăng ký bản công bố sản phẩm trong sản xuất thực phẩm.

- Việc chấp hành quy định về truy xuất nguồn gốc, xuất xứ thực phẩm, nguyên liệu, phụ gia trong sản xuất thực phẩm.

- Việc chấp hành các quy định về quảng cáo thực phẩm.

- Việc chấp hành các quy định về ghi nhãn thực phẩm.

- Việc chấp hành quy định về đo lường trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

- Việc chấp hành quy định về quyền sở hữu trí tuệ *(nếu có dấu hiệu vi phạm)*.

- Việc chấp hành quy định về chất lượng hàng hóa *(nếu có dấu hiệu vi phạm)*.

- Các nội dung khác có liên quan.

2.2. Nội dung kiểm tra đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh thuốc lá điều và các sản phẩm thuốc lá

- Việc chấp hành quy định về đăng ký doanh nghiệp/HTX/hộ kinh doanh.

- Việc chấp hành quy định về hoạt động kinh doanh theo giấy phép.

- Việc chấp hành quy định về điều kiện mua bán nguyên liệu thuốc lá.

- Việc chấp hành quy định về điều kiện chế biến nguyên liệu thuốc lá.

- Việc chấp hành quy định về nghĩa vụ của doanh nghiệp đầu tư, mua bán nguyên liệu thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá.

- Việc chấp hành quy định về điều kiện sản xuất sản phẩm thuốc lá/quy định về sản lượng sản xuất và nhập khẩu sản phẩm thuốc lá; quy định về năng lực sản xuất và điều chuyển năng lực sản xuất của doanh nghiệp.

- Việc chấp hành quy định về nghĩa vụ của doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá.

- Việc chấp hành quy định về điều kiện mua bán sản phẩm thuốc lá.

(Điều kiện phân phối sản phẩm thuốc lá/bán buôn sản phẩm thuốc lá/bán lẻ sản phẩm thuốc lá)

- Việc chấp hành quy định về thực hiện nghĩa vụ của thương nhân được cấp Giấy phép mua bán sản phẩm thuốc lá.

- Việc chấp hành quy định về xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm thuốc lá nhằm mục đích thương mại.

- Việc chấp hành quy định về nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuộn điều thuốc lá.

- Việc chấp hành quy định về tem sản phẩm thuốc lá.

- Việc chấp hành quy định về bán thuốc lá.

- Việc chấp hành quy định về quảng cáo, khuyến mại thuốc lá.

- Việc chấp hành các quy định về quyền sở hữu trí tuệ *(nếu có dấu hiệu vi phạm)*.

- Việc chấp hành quy định về chất lượng hàng hóa *(nếu có dấu hiệu vi phạm)*.

- Các nội dung khác có liên quan.

2.3. Nội dung kiểm tra đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng

- Việc chấp hành quy định về đăng ký doanh nghiệp/HTX/hộ kinh doanh.

- Việc chấp hành quy định về hoạt động kinh doanh theo giấy chứng nhận đủ điều kiện.

- Việc chấp hành quy định về điều kiện đối với thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu khí/thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu kinh doanh khí qua đường ống/thương nhân sản xuất, chế biến khí/thương nhân kinh doanh mua bán khí/thương nhân kinh doanh mua bán khí qua đường ống.

- Việc chấp hành quy định về điều kiện đối với cửa hàng bán lẻ LPG chai.

- Việc chấp hành quy định về điều kiện đối với trạm nạp LPG vào chai, trạm nạp LPG vào xe bồn, trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải.

- Việc chấp hành quy định về điều kiện đối với trạm cấp LPG (nếu có).

- Việc chấp hành quy định về điều kiện đối với sản xuất, sửa chữa chai LPG.

- Việc chấp hành quy định về điều kiện đối với sản xuất chai LPG mini.

- Việc chấp hành quy định về điều kiện chai LPG, LPG chai, LPG chai mini lưu thông trên thị trường.

- Việc chấp hành quy định về điều kiện đối với chai LPG.

- Việc chấp hành quy định về điều kiện đối với LPG chai, LPG chai mini.

- Việc chấp hành quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ cho thuê cảng xuất, nhập khẩu khí (nếu có)/kinh doanh dịch vụ cho thuê bồn chứa, kho chứa LPG chai (nếu có)/kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí (nếu có).

- Việc chấp hành quy định về việc thực hiện nghĩa vụ của thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG.
- Việc chấp hành quy định về thực hiện nghĩa vụ của thương nhân kinh doanh mua bán khí.
- Việc chấp hành quy định về thực hiện nghĩa vụ của thương nhân có trạm nạp LPG vào chai/trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải (nếu có)/trạm nạp LPG vào xe bồn (nếu có)/trạm cấp LPG (nếu có).
- Việc chấp hành quy định về thực hiện nghĩa vụ của cửa hàng bán lẻ LPG chai.
- Việc chấp hành quy định về thực hiện nghĩa vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ cho thuê cảng xuất, nhập khí, bồn chứa khí, kho chứa LPG chai (nếu có)/thương nhân kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí (nếu có).
- Việc chấp hành quy định về thực hiện nghĩa vụ của cơ sở sản xuất, sửa chữa chai LPG và sản xuất chai LPG mini.
- Việc chấp hành quy định về việc thực hiện các quy định chung về an toàn đối với cơ sở kinh doanh khí.
- Việc chấp hành quy định về đảm bảo an toàn đối với bồn chứa khí (nếu có)/đảm bảo an toàn đường ống vận chuyển khí (nếu có)/đảm bảo an toàn đối với trạm nạp LPG vào chai (nếu có)/đảm bảo an toàn trạm nạp khí vào phương tiện vận tải (nếu có)/đảm bảo an toàn đối với trạm cấp khí (nếu có)/đảm bảo an toàn đối với cửa hàng bán lẻ LPG chai/đảm bảo an toàn vận chuyển LPG chai bằng ô tô/đảm bảo an toàn trong vận chuyển, giao nhận LPG chai tới khách hàng sử dụng/đảm bảo an toàn trong vận chuyển, giao nhận khí bằng bồn chứa (nếu có)/đảm bảo an toàn đối với kho chứa LPG chai.
- Việc chấp hành quy định về chất lượng hàng hóa *(nếu có dấu hiệu vi phạm)*.

- Các nội dung khác có liên quan.

2.4. Nội dung kiểm tra đối với thương nhân kinh doanh xăng dầu

- Việc chấp hành quy định về đăng ký doanh nghiệp/HTX.
- Việc chấp hành quy định về hoạt động kinh doanh theo giấy phép/giấy chứng nhận đủ điều kiện.
- Việc chấp hành quy định về nguồn gốc, xuất xứ xăng dầu.
- Việc chấp hành quy định về điều kiện đối với thương nhân phân phối xăng dầu/tổng đại lý kinh doanh xăng dầu/đại lý bán lẻ xăng dầu/thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu/cửa hàng bán lẻ xăng dầu/

- Việc chấp hành quy định về thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của thương nhân phân phối xăng dầu/tổng đại lý kinh doanh xăng dầu/đại lý bán lẻ xăng dầu/thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu/cửa hàng bán lẻ xăng dầu.

- Việc chấp hành quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ cho thuê cảng, kho tiếp nhận xăng dầu (nếu có)/kinh doanh dịch vụ vận tải xăng dầu (nếu có).

- Việc chấp hành quy định về thực hiện nghĩa vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ xăng dầu.

- Việc chấp hành quy định về thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ (nếu có).

- Việc chấp hành quy định về thực hiện nghĩa vụ của thương nhân kinh doanh xăng dầu đối với cửa hàng bán lẻ xăng dầu.

- Việc chấp hành quy định về thực hiện dự trữ xăng dầu bắt buộc (đối với thương nhân đầu mối, thương nhân phân phối).

- Việc chấp hành quy định về quản lý đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu.

- Việc chấp hành quy định về kiểm tra định kỳ.

- Việc chấp hành quy định về yêu cầu đối với người tham gia vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ/trên đường thủy nội địa.

- Việc chấp hành quy định về giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm.

- Việc chấp hành quy định về xây dựng và nội dung các tài liệu quản lý an toàn.

- Các nội dung khác có liên quan.

2.5. Nội dung kiểm tra đối với tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh thương mại điện tử hoặc sử dụng ứng dụng công nghệ số để kinh doanh

- Việc chấp hành quy định về thiết lập website thương mại điện tử hoặc ứng dụng thương mại điện tử trên nền tảng di động.

- Việc chấp hành quy định về thông tin và giao dịch trên website thương mại điện tử hoặc ứng dụng di động.

- Việc chấp hành quy định về cung cấp dịch vụ thương mại điện tử.

- Việc chấp hành quy định về bảo vệ thông tin cá nhân trong hoạt động thương mại điện tử.

- Các nội dung khác có liên quan.

2.6. Nội dung kiểm tra đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh hóa chất

- Việc chấp hành quy định về đăng ký doanh nghiệp/HTX/hộ kinh doanh.

- Việc chấp hành quy định về hoạt động kinh doanh theo giấy phép/giấy chứng nhận đủ điều kiện.

- Việc chấp hành quy định về nguồn gốc, xuất xứ hóa chất.

- Việc chấp hành quy định về thực hiện yêu cầu chung về đảm bảo an toàn, điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất:

+ Việc chấp hành quy định về yêu cầu đối với nhà xưởng, kho chứa, thiết bị trong sản xuất, kinh doanh hóa chất.

+ Việc chấp hành quy định về vật chứa, bao bì chứa đựng hóa chất trong sản xuất, kinh doanh hóa chất.

+ Việc chấp hành quy định về bảo quản hóa chất trong sản xuất, kinh doanh hóa chất.

+ Việc chấp hành quy định về vận chuyển hóa chất trong sản xuất, kinh doanh hóa chất.

+ Việc chấp hành quy định về nhân lực chuyên môn trong sản xuất, kinh doanh hóa chất.

+ Việc chấp hành quy định về địa điểm kinh doanh hóa chất *(nếu có)*.

+ Việc chấp hành quy định về huấn luyện an toàn hóa chất.

+ Việc chấp hành quy định về quản lý, kiểm soát tiền chất công nghiệp *(nếu có)*.

+ Việc chấp hành quy định về hoạt động san chiết, đóng gói hóa chất *(nếu có)*.

- Việc chấp hành quy định về hoạt động sản xuất, kinh doanh theo giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp; giấy phép xuất nhập khẩu tiền chất công nghiệp.

- Việc chấp hành quy định về Phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất độc; phân loại hóa chất; Phiếu an toàn hóa chất; khai báo hóa chất nhập khẩu:

+ Kiểm tra việc chấp hành quy định về Phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất độc.

+ Kiểm tra việc chấp hành quy định về phân loại hóa chất.

+ Kiểm tra việc chấp hành quy định về Phiếu an toàn hóa chất.

+ Kiểm tra việc chấp hành quy định về khai báo hóa chất nhập khẩu qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

- Việc chấp hành quy định về Biện pháp/ Kế hoạch Phòng ngừa, ứng phó

sự cố hóa chất:

- + Kiểm tra việc chấp hành quy định về xây dựng Biện pháp, Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.

- + Kiểm tra việc chấp hành quy định về khối lượng tồn trữ hóa chất nguy hiểm.

- Việc chấp hành quy định về thực hiện sản xuất, xuất nhập khẩu, khai báo đối với hóa chất Bảng (nếu có):

- + Kiểm tra việc chấp hành quy định về điều kiện sản xuất hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 và hóa chất DOC, DOC-PSF.

- + Kiểm tra việc chấp hành quy định về hoạt động sản xuất theo Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 và hóa chất DOC, DOC-PSF.

- + Kiểm tra việc chấp hành quy định về hoạt động của Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2 và hóa chất Bảng 3.

- + Kiểm tra việc chấp hành quy định về khai báo sản xuất, kinh doanh, chế biến, tiêu dùng, tàng trữ hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 và hóa chất DOC, DOC-PSF.

- + Kiểm tra việc chấp hành quy định về khai báo xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3.

- + Kiểm tra việc chấp hành quy định về lưu giữ thông tin, danh sách khách hàng đối với hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 và hóa chất DOC, DOC-PSF.

- Việc chấp hành quy định về việc sử dụng hóa chất:

- + Việc chấp hành quy định về nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sử dụng hóa chất để sản xuất sản phẩm, hàng hóa khác.

- + Việc chấp hành quy định về nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sử dụng hóa chất nguy hiểm để sản xuất các sản phẩm, hàng hóa khác.

- + Việc chấp hành quy định về nghĩa vụ tổ chức, cá nhân sử dụng hóa chất cho mục đích tiêu dùng.

- + Việc chấp hành quy định về sử dụng hóa chất cho thí nghiệm, nghiên cứu khoa học (nếu có).

- + Việc chấp hành quy định về cất giữ, bảo quản hóa chất nguy hiểm trong sử dụng.

- + Việc chấp hành quy định về xử lý hóa chất bị thải bỏ trong sử dụng.

- Việc chấp hành quy định về nội dung, chế độ báo cáo hoạt động hóa chất.

- Các nội dung khác có liên quan.

2.7. Nội dung kiểm tra đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng

- Kiểm tra việc chấp hành pháp luật pháp luật về đăng ký kinh doanh;
- Kiểm tra về Hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ của hàng hóa; các quy định về nhãn hàng hóa;
- Giấy chứng nhận tiêu chuẩn sản phẩm; Thực hiện việc chứng nhận hợp quy; công bố hợp quy đối với nhóm đối tượng phải chứng nhận và công bố hợp quy theo quy định.

- Các nội dung khác có liên quan.

2.8. Nội dung kiểm tra đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh các mặt hàng, lĩnh vực khác

- Việc chấp hành quy định về đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh; Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh;
- Việc chấp hành quy định về nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa;
- Việc chấp hành quy định về nhãn hàng hóa;
- Việc chấp hành quy định về công bố hợp quy, sử dụng dấu hợp quy;
- Việc chấp hành quy định về quyền sở hữu trí tuệ (nếu có dấu hiệu vi phạm);
- Các nội dung khác có liên quan.

* **Lưu ý:** Tùy theo từng nhóm đối tượng, từng nhóm mặt hàng cụ thể mà quyết định kiểm tra các nội dung cho phù hợp với chức năng nhiệm vụ của lực lượng Quản lý thị trường.

3. Thời gian kiểm tra

Kế hoạch kiểm tra định kỳ thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành phần lực lượng kiểm tra

Các Đội QLTT thành lập Đoàn kiểm tra theo đúng quy định để tổ chức thực hiện kiểm tra trên địa bàn quản lý ngay sau khi Kế hoạch kiểm tra định kỳ năm 2026 của Chi cục QLTT tỉnh Đồng Nai đã được phê duyệt, ban hành.

Chủ trì, phối hợp với các Phòng chuyên môn và các ngành, lực lượng chức năng trong quá trình thực hiện kiểm tra theo Kế hoạch.

2. Phân công nhiệm vụ

2.1. Lãnh đạo Chi cục

Căn cứ Quyết định phân công nhiệm vụ, Lãnh đạo Chi cục QLTT có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc các Đội QLTT thực hiện có hiệu quả, gắn trách nhiệm Lãnh đạo Chi cục vào mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các Đội QLTT.

2.1.1. Chi cục trưởng

- Có trách nhiệm ban hành Kế hoạch kiểm tra định kỳ năm 2026 của Chi cục QLTT tỉnh Đồng Nai sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.
- Tham mưu, đề xuất Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban chỉ đạo 389 tỉnh những giải pháp, biện pháp trong công tác phòng ngừa, đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả;
- Chịu trách nhiệm chung điều hành toàn bộ hoạt động của Chi cục QLTT trong việc thực hiện Kế hoạch này.

2.1.2. Các Phó Chi cục trưởng được phân công phụ trách các Đội Quản lý thị trường

- Có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc, lãnh đạo các Đội QLTT được phân công phụ trách, thực hiện Kế hoạch kiểm tra đạt hiệu quả và đúng tiến độ.
- Kịp thời chỉ đạo giải quyết các vướng mắc, khó khăn, tạo thuận lợi cho các Đội QLTT trong việc thực hiện.
- Chỉ đạo, giám sát công tác kiểm tra định kỳ của các Đội QLTT phụ trách.
- Chịu trách nhiệm trước Chi cục trưởng về những nhiệm vụ được phân công.

2.2. Các Phòng chuyên môn

2.2.1. Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp

- Xây dựng và tham mưu Chi cục trưởng ký quyết định ban hành Kế hoạch kiểm tra định kỳ năm 2026 sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân phê duyệt (bằng văn bản và trên hệ thống INS); theo dõi, đôn đốc việc thực hiện của các Đội QLTT theo Kế hoạch.
- Xử lý các vụ việc vượt thẩm quyền của Đội trưởng QLTT.
- Tham mưu Lãnh đạo Chi cục QLTT giải quyết những khó khăn, vướng mắc của các Đội QLTT trong quá trình triển khai thực hiện.
- Chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện, tổng hợp báo cáo, đánh giá, nhận xét kết quả thực hiện kế hoạch của các Đội QLTT đúng quy định.

2.2.2. Phòng Tổ chức - Hành chính

- Phòng Tổ chức - Hành chính chịu trách nhiệm tham mưu đảm bảo kinh phí; cấp phát trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho việc thực hiện Kế hoạch kiểm tra định kỳ năm 2026.

- Hướng dẫn xử lý tiền phạt và tang vật tịch thu.

- Phối hợp với Phòng Nghiệp vụ – Tổng hợp đánh giá chất lượng công tác, đề xuất với lãnh đạo về công tác cán bộ, kịp thời biểu dương và đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công việc đồng thời phê bình, xem xét kỷ luật đối với tập thể, cá nhân có thái độ, hành vi vi phạm pháp luật.

2.3. Các Đội QLTT

2.3.1. Đối với các Đội QLTT địa bàn

Căn cứ Kế hoạch kiểm tra định kỳ năm 2026 được Chi cục trưởng ký quyết định ban hành, Đội trưởng các Đội QLTT chịu trách nhiệm:

- Thông báo việc kiểm tra cho tổ chức, cá nhân dự kiến kiểm tra theo đúng quy định;

- Ban hành Quyết định kiểm tra đối với tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh được kiểm tra theo kế hoạch;

- Tổ chức, chỉ đạo, điều hành việc kiểm tra theo quyết định kiểm tra (tiến hành công tác kiểm tra đúng theo quy định pháp luật, đảm bảo nội dung của kế hoạch này); đối với các vụ việc kiểm tra có nội dung liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ quản lý nhà nước của nhiều ngành, các Đội QLTT chủ động phối hợp với các đơn vị, lực lượng chức năng ở địa phương thực hiện kiểm tra theo Kế hoạch có hiệu quả và đúng theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch, các Đội Quản lý thị trường phản ánh kịp thời những vấn đề vướng mắc hoặc mới phát sinh tại địa bàn có thể gây ảnh hưởng đến Kế hoạch về Lãnh đạo Chi cục để xử lý kịp thời.

Yêu cầu tổ chức, cá nhân được kiểm tra hoặc người đại diện cung cấp giấy tờ, tài liệu, sổ sách chứng từ và giải trình những vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm tra và thu thập tài liệu, chứng cứ, giải trình của đại diện tổ chức, cá nhân được kiểm tra tại nơi kiểm tra.

Về thời kỳ kiểm tra: Quyết định kiểm tra phải ghi rõ thời kỳ kiểm tra đối với đối tượng được kiểm tra. Xác định thời kỳ kiểm tra đối với mỗi cuộc kiểm tra ít nhất là 06 tháng tính đến thời điểm công bố Quyết định kiểm tra.

Hồ sơ vụ việc kiểm tra phải có nhận xét, đánh giá cụ thể, đầy đủ việc chấp hành các quy định pháp luật của tổ chức, cá nhân đối với các nội dung kiểm tra trong thời kỳ kiểm tra theo Quyết định kiểm tra.

Sau khi kết thúc kiểm tra, các Đội QLTT có trách nhiệm tổng hợp báo cáo Chi cục QLTT hoặc khi có yêu cầu đột xuất bằng văn bản về kết quả kiểm tra theo Kế hoạch theo quy định về pháp luật báo cáo của lực lượng Quản lý thị trường. Báo cáo phải nêu rõ lý do, nguyên nhân, trách nhiệm cụ thể trong trường hợp Kế hoạch kiểm tra có nội dung không hoàn thành và đề xuất, kiến nghị (nếu có).

- Số lượng tổ chức, cá nhân dự kiến được kiểm tra do các Đội QLTT chủ trì thực hiện là 157 cơ sở gồm: 83 tổ chức; 74 hộ kinh doanh, cụ thể:

- Đội QLTT số 2: 30 cơ sở (26 tổ chức, 04 hộ kinh doanh);
- Đội QLTT số 3: 18 cơ sở (18 tổ chức);
- Đội QLTT số 4: 14 cơ sở (07 tổ chức, 07 hộ kinh doanh);
- Đội QLTT số 5: 18 cơ sở (07 tổ chức, 11 hộ kinh doanh);
- Đội QLTT số 6: 18 cơ sở (06 tổ chức, 12 hộ kinh doanh);
- Đội QLTT số 7: 15 cơ sở (03 tổ chức, 12 hộ kinh doanh);
- Đội QLTT số 8: 10 cơ sở (02 tổ chức, 08 hộ kinh doanh);
- Đội QLTT số 9: 10 cơ sở (02 tổ chức, 08 hộ kinh doanh);
- Đội QLTT số 10: 14 cơ sở (09 tổ chức, 05 hộ kinh doanh);
- Đội QLTT số 11: 10 cơ sở (03 tổ chức, 07 hộ kinh doanh).

(Đính kèm phụ lục tổ chức, cá nhân dự kiến kiểm tra định kỳ năm 2026).

2.3.2. Đối với Đội QLTT số 1 và Đội QLTT 12

Tổ chức triển khai các biện pháp nghiệp vụ, thực hiện kiểm tra đột xuất các tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh có quy mô sản xuất, kinh doanh lớn, có các hoạt động kinh doanh liên địa bàn, theo hệ thống, theo chuỗi trên địa bàn tỉnh. Đặc biệt là hoạt động kinh doanh trên môi trường thương mại điện tử.

3. Kinh phí, phương tiện và các điều kiện khác phục vụ kiểm tra

- Kinh phí thực hiện kế hoạch: Nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp cho Chi cục QLTT năm 2026.

- Việc thanh toán chi phí công tác cho lực lượng tham gia phối hợp do Chi cục QLTT chi trả theo quy định hiện hành.

- Các Đội QLTT sử dụng kinh phí, phương tiện, trang thiết bị được cấp để thực hiện công tác kiểm tra, xử lý vi phạm theo quy định.

4. Chế độ báo cáo

4.1. Đối với các Đội QLTT

Thực hiện chế độ báo cáo kết quả kiểm tra định kỳ theo chế độ báo cáo quy định tại Thông tư số 55/2020/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Công Thương và Thông tư số 45/2025/TT-BCT ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2020/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch về Chi cục QLTT theo định kỳ hàng tháng, quý, năm hoặc đột xuất theo chỉ đạo. Trong báo cáo kết thúc thời gian thực hiện Kế hoạch kiểm tra định kỳ năm 2026 phải có nhận xét, đánh giá cụ thể, đầy đủ việc chấp hành quy định pháp luật của tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh đối với các nội dung kiểm tra trong thời kỳ kiểm tra theo quyết định kiểm tra; đề xuất, kiến nghị, giải pháp quản lý đối với mặt hàng, lĩnh vực được kiểm tra.

Đối với báo cáo tổng kết kết quả thực hiện Kế hoạch kiểm tra định kỳ báo cáo về Chi cục QLTT (thông qua Phòng Nghiệp vụ – Tổng hợp) **trước ngày 10/10/2026**.

4.2. Đối với Chi cục QLTT

Giao Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp tham mưu tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch về Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước, Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Công Thương **trước ngày 15/11/2026** theo quy định. Ngoài ra báo cáo đột xuất hoặc báo cáo theo chỉ đạo của cấp trên.

Trên đây là Kế hoạch kiểm tra định kỳ năm 2026 của Chi cục QLTT tỉnh Đồng Nai, Lãnh đạo Chi cục triển khai thực hiện và phân công Trưởng các Phòng chuyên môn và Đội trưởng các Đội QLTT căn cứ Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch kiểm tra định kỳ, nếu có khó khăn, vướng mắc, nội dung cần điều chỉnh, bổ sung, các đơn vị có trách nhiệm báo cáo về Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp để tham mưu Lãnh đạo Chi cục để xem xét, xử lý kịp thời./.